BỘ CÔNG THƯƠNG **TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 15 /QĐ-ĐHCNQN	*Quảng Ninh, ngày 18 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố kết quả kiểm tra đánh giá chuẩn đầu ra tin học đối với những sinh viên đăng ký kiểm tra đợt 1 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Căn cứ Quyết định số 4361/QĐ-BCT ngày 16 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 ban hành Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 270/QĐ-ĐHCNQN ngày 28/5/2020 về việc ban hành Quy định Chuẩn đầu ra tin học cho sinh viên đại học hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Kế hoạch số 295/KH-ĐHCNQN ngày 15/12/2021 về tổ chức kiểm tra, đánh giá chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học đối với sinh viên các lớp đại học hệ chính quy năm học 2021-2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ vào kết quả kiểm tra đánh giá chuẩn đầu ra tin học được tổ chức vào ngày 9 tháng 01 năm 2022 tại Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng kiểm tra, đánh giá chuẩn đầu ra,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kết quả kiểm tra đánh giá chuẩn đầu ra tin học đối với những sinh viên đăng ký tham dự kiểm tra đợt 1 năm 2022.

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các Ông (bà) Trưởng các đơn vị trong toàn trường và những sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Giám hiệu (02);
- Như điều 2;
- Lưu VT, ĐT (02).

HIỆU TRƯỞNG

BỘ CÔNG THƯƠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

TS. Hoàng Hùng Thắng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ ĐIỂM KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC
Kèm theo Quyết định số 15 /QĐ-ĐHCNQN ngày 18 tháng 01 năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	TBC	Kết quả	Ghi chú
1	1	CQ11DH0106	Đỗ Duy Anh	30/10/2000	CNDLDHK11	8,8	9	8,9	Đạt	
2	2	CQ12DH0037	Nguyễn Tuấn Anh	05/01/2001	DHDT K12				Vắng thi	
3	3	CQ12DH0129	Nguyễn Tuấn Anh	15/10/2001	DHDL K12				Vắng thi	
4	4	CQ12DH0019	Nguyễn Việt Anh	19/05/2001	DHKTD K12	8	0	4,0	Không đạt	
5	5	CQ11DH0126	Phạm Tuấn Anh	20/09/2000	KTDDHK11				Vắng thi	
6	6	CQ11DH0121	Đỗ Quốc Bình	21/06/2000	QTKDDHK11	1,8	0	0,9	Không đạt	
7	7	LA11DH0015	Phetmany Bounphavanh	23/06/1999	DHKTK11SVNN	4,5	8,5	6,5	Đạt	
8	8	LA11DH0006	Sipaseuth Chansavath	06/09/2000	DHKTDK11SVNN	6,3	8	7,2	Đạt	
9	9	LA11DH0030	Moukkham Chanthala	10/05/2000	DHTCDNK11SVNN	3	7	5,0	Đạt	
10	10	LA12DH0002	Khamphet Chanthapha	01/11/2000	DHKTDSVNNK12	3	6	4,5	Không đạt	
11	11	CQ11DH0030	Nguyễn Thị Phương Chi	06/08/2000	TKDHK11	5,5	7	6,3	Đạt	
12	12	CQ12DH0117	Đặng Minh Chiến	26/12/2001	DHTDHCN K12	7,3	8	7,7	Đạt	
13	13	CQ12DH0006	Vương Minh Chiến	25/10/2001	DHDL K12				Vắng thi	
14	14	LTCQ13DH02	Đào Văn Chung	27/04/1990	DHLTTDHCN K13	7	6,5	6,8	Đạt	
15	15	CQ12DH0028	Phạm Thành Công	05/12/2001	DHKTD K12	4,3	6	5,2	Đạt	
16	16	CQ12DH0004	Phùng Tiến Công	14/12/2001	DHDL K12				Vắng thi	
17	17	CQ12DH0122	Trần Nhật Công	04/04/2001	DHKTD K12				Vắng thi	
18	18	CQ12DH0040	Vũ Mạnh Cương	11/10/2001	DHTDHCN K12	6,8	7,5	7,2	Đạt	
19	19	CQ12DH0038	Trịnh Đức Đại	16/11/2001	DHTDHCN K12	5,3	4,5	4,9	Không đạt	
20	20	CQ12DH0033	Đặng Thành Đạt	04/12/2001	DHKTD K12				Vắng thi	
21	21	CQ12DH0138	Mạc Anh Dũng	25/05/2000	DHKTD K12	3,3	3,5	3,4	Không đạt	
22	22	CQ12DH0111	Lê Phúc Thành Đạt	11/10/2001	DHDT K12				Vắng thi	
23	23	CQ12DH0152	Lê Văn Đạt	09/07/2001	DHKTD K12	4,5	8,3	6,4	Đạt	
24	24	CQ12DH0091	Nguyễn Tiến Đạt	12/01/2001	DHTK K12				Vắng thi	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	TBC	Kết quả	Ghi chú
25	25	CQ11DH0099	Nguyễn Trọng Đạt	19/02/2000	TCDNDHK11				Vắng thi	
26	26	CQ12DH0143	Lê Duy Điền	26/07/2001	DHTDHCN K12	6,8	7	6,9	Đạt	
27	27	CQ11DH0113	Nguyễn Đình Đông	25/05/2000	TDHTKCKDHK11	5,8	6	5,9	Đạt	
28	28	CQ12DH0025	Vũ Cường Đồng	03/10/2001	DHKTD K12	5,3	5	5,15	Đạt	
29	29	CQ12DH0029	Cao Tích Đức	05/12/2000	DHKTD K12	5,8	5	5,4	Đạt	
30	30	CQ12DH0023	Đào Mạc Đức	21/08/2001	DHKTD K12	4,8	5	4,9	Không đạt	
31	31	CQ12DH0024	Tô Quảng Đức	29/04/2000	DHKTD K12	4,3	5	4,65	Không đạt	
32	32	LTCQ13DH03	Nguyễn Lệ Giang	11/06/1990	DHLTKETOAN K13	6	6	6	Đạt	
33	33	CQ13DH0432	Võ Vinh Giang	06/09/2002	DHCNKTCKOT13				Vắng thi	
34	34	CQ12DH0020	Đỗ Nguyên Giáp	11/06/2001	DHKTD K12	5,5	5,5	5,5	Đạt	
35	35	CQ11DH0136	Hoàng Thu Hà	26/09/2000	KTTHDHK11	9,8	9	9,4	Đạt	
36	36	LTCQ13DH09	Đỗ Văn Hải	01/04/1983	DHLTHAMLO K13	5	8	6,5	Đạt	
37	37	CQ12DH0132	Phạm Văn Hải	10/04/2000	DHKTD K12	4,8	6,5	5,65	Đạt	
38	38	CQ11DH0092	Tạ Quân Hải	15/02/1981	KTTHDHK11	8,8	9,5	9,15	Đạt	
39	39	CQ12DH0022	Vũ Thế Hậu	22/03/2001	DHKTD K12	5,5	4	4,75	Không đạt	
40	40	CQ12DH0052	Đặng Văn Hiếu	31/07/2001	DHTDHCN K12	7,5	6,5	7	Đạt	
41	41	CQ12DH0041	Hà Ngọc Hiếu	08/12/2001	DHTDHCN K12	6	8,5	7,25	Đạt	
42	42	CQ12DH0001	Nịnh Văn Hiếu	03/12/2001	DHDL K12				Vắng thi	
43	43	CQ12DH0044	Nguyễn Minh Hiếu	16/08/2001	DHTDHCN K12	6,3	8	7,2	Đạt	
44	44	CQ10DH0147	Nguyễn Huy Hoàng	12/12/1999	DHTDH K10	6,3	7	6,7	Đạt	
45	45	CQ12DH0042	Nguyễn Huy Hoàng	21/08/2001	DHTDHCN K12	5	7	6,0	Đạt	
46	46	CQ12DH0054	Nguyễn Lê Hoàng	13/02/2002	DHTDHCN K12	5	9	7,0	Đạt	
47	47	CQ11DH0108	Nguyễn Mạnh Hùng	04/11/2000	CNDLDHK11	7	9	8,0	Đạt	
48	48	CQ09DH0080	Phạm Duy Hùng	26/04/1996	QTKD DHK9	7,3	5,5	6,4	Đạt	
49	49	CQ13DH0240	Phạm Thế Hùng	28/03/2002	DHCNKTĐ13	7,3	9,5	8,4	Đạt	
50	50	CQ12DH0057	Vũ Quang Hưng	04/10/2001	DHTDHCN K12	7	7	7,0	Đạt	
51	51	CQ12DH0121	Nguyễn Tuấn Huy	30/06/2000	DHTDHCN K12	7,3	6,5	6,9	Đạt	
52	52	LA12DH0004	Anousone Inteum	20/08/2000	DHKTDSVNNK12	5	7	6,0	Đạt	
53	53	LA11DH0026	Inphone Keo Oudom	22/11/1999	DHTCDNK11SVNN	5,3	7	6,2	Đạt	
54	54	LA11DH0031	Pathoumma Keopaseuth	21/06/1999	DHTCDNK11SVNN	6	7,5	6,8	Đạt	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	TBC	Kết quả	Ghi chú
55	55	LA12DH0005	Somsavanh Keovanxay	14/05/2001	DHKTDSVNNK12	5	8	6,5	Đạt	
56	56	LA11DH0022	Phimmasone Khamphanpheng	13/11/1999	DHQTKDK11SVNN	3,5	6,5	5,0	Đạt	
57	57	LA12DH0008	Xinnavath Khamsing	15/07/2001	DHKTDSVNNK12	7	8	7,5	Đạt	
58	58	CQ12DH0056	Bùi Xuân Khánh	24/07/2001	DHTDHCN K12	5,5	7	6,3	Đạt	
59	59	CQ11DH0031	Trần Anh Khoa	18/08/2000	TKDHK11	5,3	6,5	5,9	Đạt	
60	60	LA11DH0025	Chanthayout Khongsavath	26/07/1999	DHTCDNK11SVNN	3,8	6,5	5,2	Đạt	
61	61	CQ11DH0025	Lê Xuân Khương	20/12/2000	QTKDDHK11	6,5	8,5	7,5	Đạt	
62	62	CQ12DH0034	Trương Tuấn Kiệt	15/10/2001	DHTDHCN K12	7	6	6,5	Đạt	
63	63	LA11DH0033	Thipphakone Kongsanith	10/02/2000	DHTCDNK11SVNN	4,8	9,5	7,2	Đạt	
64	64	LA11DH0027	Ketsana Laomouaxiong	15/10/1999	DHTCDNK11SVNN	4,8	6,5	5,7	Đạt	
65	65	CQ11DH0124	Nguyễn Trọng Linh	22/07/2000	TDHTKCKDHK11	6,5	6	6,3	Đạt	
66	66	LTCQ13DH08	Nguyễn Văn Linh	05/02/1994	DHLTHAMLO K13	5,3	8	6,7	Đạt	
67	67	CQ11DH0002	Trịnh Hoàng Lương	10/09/1989	KTTHDHK11	7,3	5	6,2	Đạt	
68	68	LTCQ12DH20	Nguyễn Quang Mạnh	20/12/1990	DHLTTDCT K12				Vắng thi	
69	69	LA13DH0005	Satthaphone Mathipanya	26/07/2002	DHCNKTĐ(SVNN)13	4,5	8,3	6,4	Đạt	
70	70	CQ12DH0030	Bùi Tố Minh	10/03/2001	DHKTD K12	3,5	3,5	3,5	Không đạt	
71	71	CQ12DH0154	Phạm Công Minh	04/01/1998	DHTDHCN K12	7	7,5	7,3	Đạt	
72	72	CQ12DH0048	Phan Văn Minh	28/01/1996	DHTDHCN K12	4,8	6	5,4	Đạt	
73	73	LA12DH0031	Khampheua Nammavong	10/11/1992	DHKTDSVNNK12	4,3	6	5,2	Đạt	
74	74	CQ11DH0028	Ninh Văn Nghĩa	10/04/2000	QTKDDHK11	4,5	6,8	5,7	Đạt	
75	75	CQ12DH0124	Phạm Đức Nhật	14/06/2001	DHDL K12				Vắng thi	
76	76	LA11DH0011	Somdeth Phanthavy	02/04/1998	DHKTDK11SVNN	3,3	7	5,2	Đạt	
77	77	LA11DH0018	Anou Phetjanthasing	04/06/1997	DHHLK11SVNN	6,8	8,8	7,8	Đạt	
78	78	LTCQ11DH26	Nguyễn Đức Phiên	05/06/1984	DHLTKETOANK11	5,3	8	6,7	Đạt	
79	79	LA11DH0002	Vanhsay Phommasan	30/11/1999	DHKTDK11SVNN	5,3	9,3	7,3	Đạt	
80	80	LA11DH0007	Sitthikone Phomsy	29/04/2000	DHKTDK11SVNN	4	7	5,5	Đạt	
81	81	LA11DH0008	Anoulack Phonesavat	27/09/1999	DHKTDK11SVNN	5,8	8	6,9	Đạt	
82	82	LA11DH0003	Anouluk Phonesouli	22/01/2000	DHKTDK11SVNN	5,3	6,5	5,9	Đạt	
83	83	LA11DH0005	Phithack Phongsavath	28/11/1999	DHKTDK11SVNN	4,8	7,5	6,2	Đạt	
84	84	CQ11DH0137	Đoàn Minh Quang	30/08/1999	KTDDHK11				Vắng thi	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	TBC	Kết quả	Ghi chú
85	85	CQ12DH0031	Hồ Vũ Quỳnh	18/01/2001	DHKTD K12	6,3	6	6,2	Đạt	
86	86	CQ12DH0139	Vũ Văn Sang	11/07/2001	DHTDHCN K12				Vắng thi	
87	87	LA12DH0011	Vilaphon Saryavoud	07/07/2000	DHKTDSVNNK12	3,8	8	5,9	Đạt	
88	88	LA11DH0032	Phetsaboun Savatphai	18/12/1999	DHTCDNK11SVNN	5	8	6,5	Đạt	
89	89	LA12DH0007	Xeme Senechonghak	11/10/2000	DHKTDSVNNK12	6,8	9,5	8,2	Đạt	
90	90	LA11DH0028	Phoutthasack Sengdalay	02/06/1999	DHTCDNK11SVNN	6,5	9,3	7,9	Đạt	
91	91	LA11DH0004	Mai Eit Sengdeuanthor	08/04/1998	DHKTDK11SVNN	7	9	8,0	Đạt	
92	92	LA11DH0016	Khamlar Siphanhhack	27/04/1999	DHKTK11SVNN	9,8	8,5	9,2	Đạt	
93	93	CQ11DH0038	Lý Thái Sơn	19/08/2000	CKOTODHK11	7,5	9	8,3	Đạt	
94	94	LA11DH0014	Khanthong Sonelamany	14/02/1998	DHKTK11SVNN	5,5	6	5,8	Đạt	
95	95	LA11DH0029	Khaek Sonsouvanh	16/12/2000	DHTCDNK11SVNN	7	9,5	8,3	Đạt	
96	96	LA11DH0023	Nitdavanh Sykhamxai	21/11/1999	DHTCDNK11SVNN	6,3	10	8,2	Đạt	
97	97	CQ12DH0084	Bùi Ngọc Thạch	07/03/2000	DHDT K12				Vắng thi	
98	98	CQ12DH0032	Đinh Văn Thái	16/09/2001	DHKTD K12				Vắng thi	
99	99	CQ12DH0114	Lương Khánh Toan	22/07/2001	DHDL K12				Vắng thi	
100	100	LA11DH0020	Singthor Tongporyiavathor	08/04/1997	DHTKK11SVNN	9	10	9,5	Đạt	
101	101	LTCQ13DH11	Đậu Hoàng Tú	27/11/1993	DHLTTDCT K13				Vắng thi	
102	102	CQ12DH0043	Phạm Ngọc Tuân	06/10/2001	DHTDHCN K12	4	5,5	4,8	Không đạt	
103	103	LTCQ12DH22	Vũ Văn Tuân	03/09/1992	DHLTTDCT K12				Vắng thi	
104	104	CQ12DH0003	Nguyễn Thanh Tùng	15/11/2001	DHKTD K12				Vắng thi	
105	105	LTCQ13DH12	Phạm Tiến Tuyến	30/03/1985	DHLTTK K13	5,3	6,5	5,9	Đạt	
106	106	LA11DH0010	Phouthsavanh Thanavanh	21/07/1999	DHKTDK11SVNN	4,8	9,5	7,2	Đạt	
107	107	CQ12DH0036	Nguyễn Văn Thắng	19/09/2001	DHDT K12				Vắng thi	
108	108	CQ12DH0050	Nguyễn Đức Thành	13/10/2001	DHTDHCN K12	7,8	6,5	7,2	Đạt	
109	109	CQ11DH0131	Đinh Thị Phương Thảo	05/11/1999	TCDNDHK11	6	7,5	6,8	Đạt	
110	110	LTCQ13DH06	Vũ Thị Thiệp	14/10/1993	DHLTKETOAN K13	7,8	8	7,9	Đạt	
111	111	CQ10DH0157	Đỗ Tiến Thịnh	31/10/1995	DHH&C K10	5	7	6,0	Đạt	
112	112	LA11DH0009	Kor Thor	02/11/1999	DHKTDK11SVNN	6,3	7,5	6,9	Đạt	
113	113	LA11DH0012	Tousong Thor	05/11/1998	DHKTDK11SVNN	4,8	6	5,4	Đạt	
114	114	CQ12DH0053	Phạm Thân Thương	21/08/2001	DHTDHCN K12	6	6,5	6,3	Đạt	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm trắc nghiệm	Điểm thực hành	TBC	Kết quả	Ghi chú
115	115	CQ11DH0091	Vũ Đăng Trọng	18/05/1995	KTTHDHK11	7,8	9	8,4	Đạt	
116	116	LA11DH0001	Somsak Vanyalak	08/08/1999	DHTCDNK11SVNN	6,5	8,5	7,5	Đạt	
117	117	LA12DH0010	Thanousack Vilaxay	18/11/2000	DHKTDSVNNK12	3,8	8	5,9	Đạt	
118	118	CQ12DH0026	Nguyễn Quang Vinh	15/10/2001	DHKTD K12	7,5	9	8,3	Đạt	
119	119	LA12DH0009	Visouk Xainyadetyar	15/09/1999	DHKTDSVNNK12	4,8	6,5	5,7	Đạt	
120	120	LA12DH0003	Phonethip Xayasone	08/07/1998	DHKTDSVNNK12	5,3	5,5	5,4	Đạt	
121	121	LA11DH0024	Sinnaly Xayvungmeuang	28/12/1999	DHTCDNK11SVNN	6	9	7,5	Đạt	
122	122	LA12DH0006	Souliya Xuendavanh	21/09/2000	DHKTDSVNNK12	2,8	4	3,4	Không đạt	
123	123	LA12DH0029	Maisao Yongsompheng	04/11/2000	DHKTDSVNNK12	3,5	6,5	5,0	Đạt	
124	124	LA11DH0021	Manivanh Yotsavath	11/10/1999	DHQTKDK11SVNN	3,8	7,5	5,7	Đạt	
125	125	LA11DH0017	Phonesavanh Zuenphanh	25/10/1999	DHKTK11SVNN	4	8,5	6,3	Đạt	

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 01 năm 2022

TRƯỞNG BAN CHẤM

TS. Bùi Thanh Nhu

TỔ TRƯỞNG TỔ CHẤM

ThS. Đặng Đình Đức

THƯ KÝ

Nguyễn Thị Hiền